

Liên kết vùng - Giải pháp phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ

TS. ĐỖ PHÚ TRẦN TÌNH*

Đông Nam Bộ là vùng kinh tế lớn và năng động nhất, vì vậy sự phát triển kinh tế của vùng này sẽ góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của cả nước. Tuy nhiên, thời gian qua, vùng Đông Nam Bộ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế sẵn có của vùng. Tình hình phát triển kinh tế của các tỉnh, thành trong vùng còn mang tính tự phát, sự liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong vùng chưa tốt, chất lượng quy hoạch vùng thấp, hiệu quả kinh tế còn hạn chế. Chính những hạn chế trên đã và đang đe dọa đến sự phát triển bền vững của vùng Đông Nam Bộ. Bài viết sẽ tập trung vào phân tích thực trạng liên kết của các tỉnh, thành trong vùng Đông Nam Bộ, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong việc liên kết, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm thực hiện tốt việc liên kết vùng – yếu tố quan trọng để phát triển bền vững Đông Nam Bộ.

1. Khái quát chung về vùng Đông Nam Bộ

Vùng Đông Nam Bộ có 5 tỉnh và 01 thành phố, gồm: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả điều tra dân số ngày 1/4/2009, dân số vùng Đông Nam Bộ là 14.025.387 người, chiếm 16,34% dân số Việt Nam, là vùng có tốc độ tăng dân số cao nhất nước, do thu hút nhiều dân nhập cư từ các vùng khác đến sinh sống.

Vùng Đông Nam Bộ có vị trí địa lý rất thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Vùng này nằm kề với đồng bằng sông Cửu Long – vùng lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước, giao lưu thuận tiện nhờ có mạng lưới kênh rạch và hệ thống đường bộ. Bằng đường bộ còn có thể dễ

dàng giao lưu với Campuchia, với vùng Nam Tây Nguyên; bằng đường bộ và đường sắt xuyên Việt có thể liên hệ với các tỉnh khác trong cả nước, nhất là duyên hải Nam Trung Bộ. Cụm cảng Sài Gòn (đường không và đường biển) và Vũng Tàu tạo cửa ngõ cho vùng mở ra với nước ngoài.

Về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, các vùng đất badan khá màu mỡ chiếm tới 40% diện tích của vùng, nối tiếp với miền đất badan của Nam Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ. Đông Nam Bộ có tiềm năng to lớn để phát triển các cây công nghiệp lâu năm (cao su, cà phê, điều, hồ tiêu), cây ăn quả và cả cây công nghiệp ngắn ngày (đậu tương, mía, thuốc lá...) trên quy mô lớn. Vùng Đông Nam Bộ nằm gần các ngư trường lớn như ngư trường Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng

*Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP. HCM

Tàu và ngư trường Minh Hải – Kiên Giang, đồng thời có các điều kiện lý tưởng để xây dựng các cảng cá. Ven biển có rừng ngập mặn, thuận lợi để nuôi trồng các loại thủy sản nước mặn và nước lợ. Tài nguyên khoáng sản của

vùng nổi bật là dầu khí trên vùng thềm lục địa. Ngoài ra là đất sét cho công nghiệp vật liệu xây dựng và cao lanh cho công nghiệp gốm, sứ. Hệ thống sông Đồng Nai có tiềm năng thủy điện lớn.

Bảng 1: Diện tích, dân số các tỉnh vùng Đông Nam Bộ năm 2009

STT	Tỉnh	Diện tích (km ²)	Dân số người (tính đến 01/04/2009)	Mật độ (người/km ²)
1	Thành phố Hồ Chí Minh	2.095	7.162.864	3.419
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	1.982,2	996.682	503
3	Bình Dương	2.695,5	1.481.550	550
4	Bình Phước	6.857,3	873.598	127,4
5	Đồng Nai	5.903,940	2.486.154	421
6	Tây Ninh	4.029,6	1.066.513	264,6
Tổng cộng		23.563,54	14.067.361	596,99

Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2009.

Đông Nam Bộ là vùng có nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển, cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển hơn so với các vùng khác trong cả nước; là địa bàn thu hút mạnh lực lượng lao động có chuyên môn cao, từ công nhân lành nghề tới các kỹ sư, các nhà khoa học, các nhà kinh doanh. Sự phát triển kinh tế năng động càng tạo điều kiện cho vùng có được nguồn tài nguyên chất xám lớn. Hiện nay, trong cơ cấu ngành công nghiệp của cả nước, vùng Đông Nam Bộ chiếm tỷ trọng cao nhất, với vị trí nổi bật của các ngành công nghệ như: luyện kim, công nghiệp điện tử, chế tạo máy, tin học, hoá chất, hoá dược, thực phẩm...

Vùng Đông Nam Bộ được xem là vùng kinh tế dầu tàu phát triển kinh tế của cả nước. Tuy nhiên, thời gian qua, vùng Đông Nam Bộ phát triển chưa xứng tầm với tiềm năng và lợi thế sẵn có của vùng. Tình hình phát triển kinh tế của các tỉnh, thành trong vùng còn mang tính tự phát, sự liên kết, phối hợp giữa các địa phương

trong vùng chưa tốt, chất lượng quy hoạch vùng thấp, hiệu quả kinh tế còn hạn chế.

2. Thực trạng liên kết của các tỉnh, thành trong vùng Đông Nam Bộ

Khi nói đến vùng Đông Nam Bộ, có thể nhiều nhà quản lý cũng như các nhà kinh tế chưa biết hết thế mạnh của các tỉnh, thành trong vùng. Thế mạnh của vùng này là công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, dầu khí, cảng biển, tài chính, ngân hàng, du lịch ...

Thành Phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) là nơi có kinh tế phát triển nhanh, là trung tâm kinh tế của vùng nhưng điểm mạnh của thành phố này là công nghiệp, dịch vụ, trung tâm tài chính nay khoa học - công nghệ, cho đến nay vẫn còn tranh luận. Một số ý kiến phân tích cho rằng, TP. HCM nên là trung tâm dịch vụ, tài chính hơn là phát triển lĩnh vực công nghiệp, vì thành phố không có thế mạnh về đất đai và tài nguyên, nên chuyển giao lĩnh vực này cho

những tỉnh thành lân cận trong vùng. Trong khi đó, TP. HCM cũng được hoạch định phát triển theo chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nghĩa là TP. HCM cũng cần phát triển các ngành

công nghiệp như các tỉnh khác trong vùng. Chính điều này dẫn đến cơ cấu ngành kinh tế của các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai và TP. HCM không có sự khác biệt nhiều.

Bảng 2: Tỷ trọng cơ cấu ngành kinh tế của các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2001 – 2009

Đơn vị: %

TT	Địa Phương	Ngành	2001	2005	2009
1	TP. HCM	Nông nghiệp	1,9	1,3	1,2
		Công nghiệp	46,2	48,1	44,3
		Dịch vụ	51,9	50,6	54,5
2	Đồng Nai	Nông nghiệp	21	14,99	9,5
		Công nghiệp	53,6	57,01	59
		Dịch vụ	25,4	28	31,5
3	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nông nghiệp	3,4	3,9	4,78
		Công nghiệp	86,82	79,3	63,77
		Dịch vụ	9,78	16,8	31,45
4	Bình Dương	Nông nghiệp	15,1	8	5,3
		Công nghiệp	59,4	63,8	62,3
		Dịch vụ	25,5	28,2	32,4
5	Bình Phước	Nông nghiệp	57,97	55,77	49,97
		Công nghiệp	13,36	17,62	22,62
		Dịch vụ	28,67	26,61	27,41
6	Tây Ninh	Nông nghiệp	43,47	41,22	27,41
		Công nghiệp	20,26	25,63	28,90
		Dịch vụ	36,27	33,15	43,69

Nguồn: Tính toán của tác giả từ Niên giám thống kê năm 2009 của các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ.

Nhắc đến những tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ, người ta thường nói đến những khu công nghiệp (KCN), KCN là điểm mạnh của vùng Đông Nam Bộ. Thời gian qua, thực tế phát triển cho thấy các KCN phát triển mạnh ở vùng này và có đóng góp tích cực đối với kinh tế vùng. Nhưng giữa các KCN của các tỉnh, thành trong

vùng lại có sự cạnh tranh thu hút dự án đầu tư, các KCN trong vùng phát triển tự phát ở mỗi tỉnh, thành không theo quy hoạch tổng thể vùng, không gian phát triển bị cắt khúc, phân đoạn bởi ranh giới hành chính. Điều này dẫn đến hai chính sách thuê đất, giá nhân công khác nhau... ở hai KCN láng giềng, cạnh tranh nhau mà không tạo ra điều

kiện hợp tác để thu hút vốn, sắp xếp ngành nghề và phát triển các dịch vụ hỗ trợ.

Ở vùng Đông Nam Bộ, các KCN cạnh tranh không lành mạnh diễn ra rất phổ biến, chủ yếu là ở giá thuê đất và thuế được quyết định bởi chính sách vĩ mô của từng tỉnh, thành. Từng tỉnh thành có quy hoạch tổng thể phát triển KCN khác nhau không có quy hoạch chung của cả vùng nên mặc sức thu hút dự án đầu tư mà không định hướng tập trung hay ưu tiên gì. Các KCN gần như giống nhau, trong đó chủ yếu phát triển những ngành nghề truyền thống như giày dép, dệt may, đồ gỗ, ráp ráp điện tử... còn những ngành có tính hiện đại hóa cao, có tính chất lõi kéo sự phát triển kinh tế của tỉnh và vùng thì phát triển không đáng kể. Điển hình như KCN Mỹ Xuân ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cái gì cũng làm, từ sắt thép đến sản xuất bột mỳ, đều có thể nằm ngay cạnh nhau trong một KCN. Điều này không phù hợp và không chấp nhận được đối với quy hoạch kinh tế vùng. Hay tỉnh Bình Phước được đánh giá là có lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và khoáng sản. Với những lợi thế như vậy, đáng lẽ ra tỉnh phải tập trung phát triển thế mạnh của mình là ngành nông nghiệp chất lượng cao theo hướng sản xuất hàng hóa lớn. Trong khi đó, thực tế tỉnh cũng tập trung phát triển KCN, hiện có 5 KCN đang hoạt động nhưng do cơ sở hạ tầng còn yếu kém, nên vắng bóng các nhà đầu tư.

Khi không có quy hoạch vùng, sự phát triển của các KCN cũng bị ảnh hưởng, nhất là trình độ phát triển hạ tầng cơ sở. Các tiện ích như đường xá, cảng, điện nước, dịch vụ internet, viễn thông... còn kém và không đồng bộ giữa các khu. Tỉnh, thành nào tập trung cải thiện được tiện ích gì thì nhà đầu tư ở đó được hưởng, chứ chưa có sự chia sẻ để cùng hưởng giữa các tỉnh thành. Việc thiếu quy hoạch vùng, quỹ đất dành cho phát triển KCN không hiệu quả và nhanh chóng bị cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm và đặc biệt là kéo theo sự phát triển của các cụm dân cư trong khi các phúc lợi xã hội

cho dân cư của các KCN dường như được thả nổi cho thị trường tự do.

Do cạnh tranh bằng chính sách "trái tham đồ" mời gọi các nhà đầu tư bằng cách đơn giản hóa quy trình cấp phép cũng như thẩm định kỹ dự án đầu tư cho nhiều dự án dẫn đến cấp phép cho nhiều dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, gây nguy hại đến môi trường. Các chuyên gia về môi trường cảnh báo, nếu như tất cả các khu công nghiệp trong vùng Đông Nam Bộ được lấp đầy diện tích thì mỗi ngày hệ thống sông Đồng Nai sẽ phải tiếp nhận khoảng 1,54 triệu m³ nước thải công nghiệp, trong đó có khoảng 278 tấn cặn lơ lửng, 231 tấn BOD₅, 493 tấn COD, 89 tấn Nitơ tổng, 12 tấn Phospho và nhiều kim loại nặng cùng với các tác nhân ô nhiễm độc hại khác. Đồng thời, mỗi ngày còn có khoảng 1,73 triệu m³ nước thải sinh hoạt, trong đó có khoảng 702 tấn cặn lơ lửng, 421 tấn BOD₅, 756 tấn COD, 59 tấn Nitơ tổng, 15 tấn Phospho tổng, 243 tấn dầu mỡ phi khoáng và nhiều vi trùng gây bệnh khác cũng sẽ được xả thẳng ra hệ thống sông Đồng Nai. Nếu không có biện pháp bảo vệ hữu hiệu, trong tương lai không xa, hàng chục triệu người sống quanh lưu vực sông Đồng Nai sẽ có nguy cơ thiếu nguồn nước sinh hoạt do nước sông bị ô nhiễm.

3. Nguyên nhân tình trạng liên kết yếu trong vùng Đông Nam Bộ

Theo chúng tôi, tình trạng liên kết yếu giữa các tỉnh, thành trong vùng Đông Nam Bộ do những nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, do địa giới hành chính và sự phân chia địa lý của tỉnh, thành là rào cản lớn của sự phối hợp, nên chưa phát huy tối đa năng lực của vùng.

Hai là, do chưa có một đầu mối thống nhất để quản lý và phối hợp các nỗ lực phát triển vùng ở tất cả các địa phương. Hiện nay, hình thức, cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành trong vùng vẫn mang tính tự phát và chỉ dừng lại ở mức cam kết các thỏa thuận giữa lãnh đạo các địa phương. Do đó, các chương trình phối hợp phát triển kinh tế còn mang tính cục bộ, chưa cho phép phát huy có hiệu quả lợi thế so sánh ở

từng vùng. Rõ ràng nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu, lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng và xử lý ô nhiễm môi trường. Sự bế tắc trong việc giải quyết ô nhiễm ở Kênh Ba Bò là một minh chứng rõ nét cho vấn đề này.

Ba là, do mỗi tỉnh, thành đều có hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, những cơ quan kiểm soát và thực thi các chính sách và ngân sách của tỉnh, thành mình. Mục tiêu của hai cơ quan này là phát triển tỉnh, thành mình hơn là nghĩ đến việc liên kết vùng, nên các khoản đầu tư tài chính vào những chiến lược vùng không được ưu tiên hoặc không dễ được đồng ý.

4. Một số giải pháp để thực hiện tốt việc liên kết vùng nhằm phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ

Để phát triển kinh tế vùng Đông Nam Bộ và phát triển theo hướng nào là vấn đề đáng quan tâm của các nhà quản lý cũng như các nhà kinh tế của vùng. Theo chúng tôi, trong thời gian tới cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

Thứ nhất, Chính phủ cần có cơ chế chính sách hoạt động đặc biệt cho vùng Đông Nam Bộ để bảo đảm sự phát triển thuận lợi, thực hiện sứ mệnh đầu tàu dẫn dắt các vùng kinh tế khác. Do vậy, việc ban hành chính sách và cơ chế quản lý phù hợp nhằm khai thác hết thế mạnh vốn có của vùng là yêu cầu khách quan, và là lợi ích chung của cả quốc gia. Hệ thống chính sách phải đưa ra những định chế vận hành và cơ chế phối hợp cụ thể nhằm tạo mối liên kết nội vùng và liên kết giữa vùng với các địa bàn kinh tế khác thì mới có thể phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế.

Thứ hai, cần có một đầu mối thống nhất để quản lý và phối hợp các nỗ lực phát triển vùng ở tất cả các địa phương. Chức năng quan trọng nhất của đầu mối này là phối hợp và tư vấn, phối hợp giữa các cấp, các ngành từ trung ương đến các địa phương và tư vấn cho các cấp trong quá trình triển khai, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch. Cần có một bộ máy tham mưu thường trực bao gồm các chuyên gia.

Thứ ba, lãnh đạo các tỉnh thành cần tăng cường phối hợp với nhau và sớm có quy hoạch vùng dựa

trên đặc tính của từng tỉnh, thành. Những nỗ lực của từng địa phương chỉ có thể mang lại hiệu quả, khi có cơ chế phối hợp phát triển chung của toàn vùng nhằm phát huy lợi thế chung của cả địa bàn trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập.

Mỗi tỉnh thành có những lợi thế về xã hội, địa lý, kinh tế riêng và quy hoạch vùng cũng cần phải dựa trên những lợi thế so sánh này. TP. HCM và Bà Rịa - Vũng Tàu có lợi thế so sánh rõ nét hơn các tỉnh thành khác. Các tỉnh thành lân cận có lợi thế so sánh ở đất đai, lao động, nông nghiệp có thể bổ sung cho điểm yếu của TP. HCM. TP. HCM phải là hạt nhân gắn kết các địa phương với nhau và trở thành đầu tàu năng động, thu hút và lan toả nguồn vốn, khoa học - công nghệ, quản lý trong vùng. Đây là quan hệ liên kết tất yếu và tiên đến phát triển bền vững, nhằm khai thác, phát huy nội lực của từng địa phương và toàn vùng để tạo nên lợi thế so sánh mới, tạo sức bật mới nhằm phát triển một vùng toàn diện. TP. HCM chỉ nên tập trung vào các hoạt động kinh tế sử dụng nhân lực và công nghệ cao, nhường sân thu hút sản xuất công nghiệp cho các tỉnh bạn có ưu thế về nhân công và đất rẻ.

Thứ tư, cần quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ yêu cầu hiện đại hóa của vùng. Thế mạnh của vùng là Đại học Quốc gia TP. HCM và các trường đại học lớn trên địa bàn của vùng. Thời gian qua, việc hợp tác giữa các trường, các nhà khoa học với các địa phương còn mang tính tự phát, chủ yếu là dựa trên các quan hệ cá nhân. Theo chúng tôi, trong thời gian tới cần có một đầu mối thật sự đóng vai trò định hướng và liên kết hoạt động khoa học - công nghệ và đào tạo giữa các trường và các tỉnh, thành trong vùng. Các tỉnh, thành cần chủ động đặt hàng cho các trường đại học, các viện nghiên cứu. Mặt khác, các nhà khoa học cũng cần tăng cường tìm hiểu, nghiên cứu nhu cầu thực tế của các địa phương để có những hợp tác, những hướng nghiên cứu phù hợp.

Thứ năm, cần có sự phối hợp và ưu tiên đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng của vùng.

- Nhanh chóng xây dựng và mở rộng cụm cảng Thị Vải (bao gồm các cảng Gò Dầu, Phú Mỹ, ngã ba sông Cái Mép - Phú Tân), cảng Sao Mai - Bến Đình thành cảng trung chuyển quốc tế với công suất hàng hoá thông qua khoảng 40 - 50 triệu tấn/năm.

- Xây dựng đường cao tốc 6 - 8 làn xe tốc độ 120 km/giờ chạy dọc theo hướng đường 51 hiện có hơi chệch về phía Đông, với hành lang rộng 140 - 180 m kéo dài từ thành phố Vũng Tàu cắt Quốc lộ 1A vòng qua thành phố Biên Hòa về phía Bắc, vượt qua sông Đồng Nai sang Thủ Dầu Một rồi nối với đường 22 (đường xuyên Á) và một nhánh qua Nhơn Trạch đến Thủ Thiêm.

- Trên hành lang đường cao tốc 51 có thêm tuyến đường sắt khổ 1 m và đường ống dẫn khí. Đường sắt khổ 1 m xuất phát từ cảng Sao Mai - Bến Đình và nối với đường sắt Bắc - Nam. Cải tạo khu đầu mối đường sắt TP. HCM, xây dựng các tuyến đường sắt từ TP. HCM đi Vũng Tàu, PhnomPenh, Tây Nam Bộ và Tây Nguyên. Đường ống dẫn khí nối từ biển vào đi dọc theo đường cao tốc và toả tới các đô thị.

- Nâng cấp đoạn quốc lộ 1A từ TP. HCM đi miền Tây Nam Bộ theo hướng trở thành xa lộ; nâng cấp quốc lộ 53, 28, 27, 14 và tỉnh lộ 784.

- Cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng sân bay quốc tế Long Thành (Đồng Nai).

Thứ sáu, cần có sự phối hợp giữa các địa phương trong vấn đề bảo vệ môi trường. Sự phát triển công nghiệp của các địa phương trong vùng, bên cạnh mặt tích cực của sự tăng trưởng công nghiệp, thì hệ quả về môi trường đang đặt ra khá nghiêm trọng. Do đó, xác định các nội dung và dự án cần phối hợp chặt chẽ trên quy mô từng vùng để xử lý tổng thể về môi trường, bao gồm cả vấn đề cấp nước và thoát nước gắn liền với các sông chính của vùng (sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông). Để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, cần tăng cường khung thể chế và các nguồn lực cho công tác giám sát, cưỡng chế. Nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý rác thải nguy hại, đặc biệt là các đối tượng gây ra ô nhiễm, các đơn vị xử lý rác. Phát triển hệ thống thu phí theo nguyên tắc: người gây ô nhiễm phải trả tiền, khuyến khích các đơn vị kinh tế giảm tỷ lệ rác thải nguy hại. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tỉnh, thành trong khu vực khi xem xét các dự án đầu tư lớn, có tác động đến môi trường chung của khu vực.

Tóm lại, để vùng Đông Nam Bộ phát triển bền vững, các tỉnh thành trong vùng cần có những chủ trương chung, tăng cường phối hợp với nhau, sớm có quy hoạch và liên kết đầu tư vùng. Tiềm năng và thế mạnh của vùng chỉ phát huy tối đa khi các tỉnh, thành “bắt tay” nhau, cùng nhìn về một hướng và đặt lợi ích toàn cục lên hàng đầu♦

Tài liệu tham khảo:

1. Trần Du Lịch: *Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam – Cơ hội và thách thức trong tiến trình hội nhập*.
2. Võ Thanh Thu: *Nhìn lại 20 năm phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*, Đại học Kinh tế TP. HCM
3. Đặng Văn Phan: *Từ nghiên cứu vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đề xuất một số ý kiến về tổ chức lãnh thổ - đối tượng nghiên cứu của địa lý kinh tế - xã hội*.
4. *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 44/1998/QĐ -TTG ngày 23/2/1998 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam từ nay đến năm 2010*.
5. Tài liệu Hội thảo khoa học “*Phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*”, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương, Đại học ĐH Kinh tế TP. HCM, tháng 2 năm 2011.
6. Viện Khoa học xã hội (1997): *Vùng Đông Nam bộ*.